

HIỆP ĐỊNH

AGREEMENT

GIỮA

BETWEEN

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA
VIỆT NAM

THE SOCIALIST REPUBLIC OF
VIETNAM

VÀ

AND

NƯỚC CỘNG HOÀ LIÊN BANG ĐỨC

THE FEDERAL REPUBLIC OF GERMANY

VỀ

FOR

TRÁNH ĐÁNH THUẾ HAI LẦN

THE AVOIDANCE OF DOUBLE TAXATION

ĐỐI VỚI

WITH

CÁC LOẠI THUẾ ĐÁNH VÀO THU NHẬP
VÀ VÀO TÀI SẢN

RESPECT TO TAXES ON INCOME AND ON
CAPITAL

Nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam

The Socialist Republic of Vietnam

và

and

nước Cộng hoà Liên bang Đức,

The Federal Republic of Germany,

Mong muốn ký kết một Hiệp định về việc tránh đánh thuế hai lần và ngăn ngừa việc trốn lậu thuế đối với các loại thuế đánh vào thu nhập và vào tài sản,

Desiring to conclude an Agreement for the avoidance of double taxation and the prevention of fiscal evasion with respect to taxes on income and on capital,

Đã thoả thuận dưới đây:

Have agreed as follows:

ĐIỀU 1

ARTICLE 1

PHẠM VI ÁP DỤNG

PERSONAL SCOPE

Hiệp định này được áp dụng cho các đối tượng là những đối tượng cư trú của một hoặc của cả hai Nước ký kết.

This Agreement shall apply to persons who are residents of one or both of the Contracting States.

ĐIỀU 2

ARTICLE 2

CÁC LOẠI THUẾ BAO GỒM TRONG HIỆP ĐỊNH

TAXES COVERED

1. Hiệp định này áp dụng đối với các loại thuế do một Nước ký kết, một Bang hoặc một cơ quan chính quyền cơ sở, hay chính quyền địa phương của Nước đó, đánh vào thu nhập và vào tài sản, bất kể hình thức áp dụng của các loại thuế đó như thế nào.
2. Tất cả các loại thuế thu trên tổng thu nhập, tổng tài sản hoặc những phần của thu nhập hoặc tài sản, bao gồm cả các khoản thuế đối với lợi nhuận từ việc chuyển nhượng động sản hoặc bất động sản, thuế trên tổng số tiền lương hoặc tiền công do xí nghiệp trả cũng như các khoản

1. This Agreement shall apply to taxes on income and on capital imposed on behalf of a Contracting State, of a Land or of its political subdivisions or local authorities, irrespective of the manner in which they are levied.
2. There shall be regarded as taxes on income and on capital all taxes imposed on total income, on total capital, or on elements of income or of capital, including taxes on gains from the alienation of movable or immovable property, taxes on the total amounts of wages or salaries

thuế đánh vào trị giá tài sản tăng thêm.

3. Những loại thuế hiện hành được áp dụng trong Hiệp định này là:

a. tại Việt Nam:

- (i) thuế thu nhập cá nhân;
- (ii) thuế lợi tức; và
- (iii) thuế chuyển lợi nhuận ra nước ngoài;

(dưới đây được gọi là "thuế Việt Nam");

b. tại Cộng hoà Liên Bang Đức:

- (i) thuế thu nhập;
- (ii) thuế công ty;
- (iii) thuế tài sản; và
- (iv) thuế kinh doanh;

(dưới đây được gọi là "thuế Đức").

4. Hiệp định này cũng sẽ được áp dụng cho các loại thuế có tính chất tương tự hay về căn bản giống như các loại thuế được ban hành sau ngày ký kết Hiệp định này để bổ sung, hoặc thay thế các loại thuế hiện hành. Các nhà chức trách có thẩm quyền của hai Nước ký kết sẽ thông báo cho nhau biết những thay đổi quan trọng trong các luật thuế của từng Nước.

paid by enterprises as well as taxes on capital appreciation.

3. The existing taxes to which the Agreement shall apply are:

a. in Vietnam:

- (i) the personal income tax;
- (ii) the profit tax; and
- (iii) the profit remittance tax;

(hereinafter referred to as "Vietnamese tax");

b. in the Federal Republic of Germany:

- (i) the income tax;
- (ii) the corporation tax;
- (iii) the capital tax; and
- (iv) the trade tax;

(hereinafter referred to as "German tax").

4. The Agreement shall also apply to any identical or substantially similar taxes which are imposed after the date of signature of this Agreement in addition to, or in place of, the existing taxes. The competent authorities of the Contracting States shall notify each other of important changes which have been made in their respective taxation laws.

ĐIỀU 3

CÁC ĐỊNH NGHĨA CHUNG

1. Theo nội dung Hiệp định này, trừ trường hợp ngữ cảnh đòi hỏi một sự giải thích khác:

a. từ "Việt Nam" có nghĩa là nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam; khi dùng theo nghĩa địa lý, từ đó bao gồm toàn bộ lãnh thổ quốc gia Việt Nam, kể cả lãnh

ARTICLE 3

GENERAL DEFINITIONS

1. For the purposes of this Agreement, unless the context otherwise requires:

a. the term "Vietnam" means the Socialist Republic of Vietnam; when used in a geographical sense, it means all its national territory, including its territorial

hải Việt Nam, và mọi vùng ở ngoài lãnh hải mà theo luật pháp Việt Nam và phù hợp với luật pháp quốc tế, Việt Nam có quyền chủ quyền đối với việc thăm dò và khai thác tài nguyên thiên nhiên của đáy biển, lòng đất dưới đáy biển và khối nước ở trên;

- b. từ "Cộng hoà Liên bang Đức" có nghĩa là vùng tại đó luật thuế của Cộng hoà Liên bang Đức có hiệu lực, kể cả đáy biển, lòng đất dưới đáy biển và khối nước ở trên và đi liền với vùng lãnh hải trong phạm vi tại đó Cộng hoà Liên bang Đức thực hiện các quyền chủ quyền và quyền tài phán phù hợp với luật pháp quốc tế và luật quốc gia của Đức;
- c. thuật ngữ "Nước ký kết" và "Nước ký kết kia" có nghĩa là Việt Nam hay Cộng hoà Liên bang Đức tùy theo ngữ cảnh đòi hỏi;
- d. thuật ngữ "đối tượng" bao gồm cá nhân hoặc công ty;
- e. thuật ngữ "công ty" để chỉ bất kỳ tổ chức công ty nào hoặc bất kỳ một thực thể nào được coi là tổ chức công ty dưới góc độ thuế;
- f. thuật ngữ "xí nghiệp của Nước ký kết" và "xí nghiệp của Nước ký kết kia" tùy từng trường hợp có nghĩa là một xí nghiệp được điều hành bởi đối tượng cư trú của một Nước ký kết và một xí nghiệp được điều hành bởi đối tượng cư trú của Nước ký kết kia;
- g. thuật ngữ "đối tượng mang quốc tịch" có nghĩa:
 - (i) trong trường hợp của Việt Nam, là bất kỳ cá nhân nào mang quốc tịch của Việt Nam và bất kỳ pháp nhân, tổ chức hùn vốn, hiệp hội nào có tư cách được chấp nhận theo các luật có hiệu lực tại Việt Nam;

sea and any area beyond its territorial sea, within which Vietnam by Vietnamese legislation and in accordance with international law, has sovereign rights of exploration for and exploitation of natural resources of the sea-bed and its sub-soil and superjacent watermass;

- b. the term "Federal Republic of Germany" means the area in which the tax law of the Federal Republic of Germany is in force, including the area of the sea-bed, its sub-soil and the superjacent water column adjacent to the territorial sea, insofar as the Federal Republic of Germany exercises there sovereign rights and jurisdiction in conformity with international law and its national legislation;
- c. the terms "a Contracting State" and "the other Contracting State" mean Vietnam or the Federal Republic of Germany as the context requires;
- d. the term "person" means an individual or a company;
- e. the term "company" means any body corporate or any entity which is treated as a body corporate for tax purposes;
- f. the terms "enterprise of a Contracting State" and "enterprise of the other Contracting State" mean respectively an enterprise carried on by a resident of a Contracting State and an enterprise carried on by a resident of the other Contracting State;
- g. the term "national" means:
 - (i) in respect of Vietnam any individual possessing the nationality of Vietnam and any legal person, partnership and association deriving its status as such from the laws in force in Vietnam;

- (ii) trong trường hợp của Cộng hoà Liên bang Đức, là bất kỳ người Đức nào mà theo nghĩa của Điều 116, khoản 1, Luật cơ bản của Cộng hoà Liên bang Đức và bất kỳ pháp nhân, tổ chức hùn vốn hoặc hiệp hội nào có tư cách được chấp nhận theo các luật có hiệu lực tại Cộng hoà Liên bang Đức;
- h. thuật ngữ “vận tải quốc tế” có nghĩa là bất cứ sự vận chuyển nào bằng tàu thủy hoặc máy bay được thực hiện bởi một xí nghiệp có trụ sở điều hành thực tế tại một Nước ký kết, trừ trường hợp khi chiếc tàu thủy hoặc máy bay đó chỉ hoạt động giữa những địa điểm trong Nước ký kết kia;
- i. thuật ngữ “nhà chức trách có thẩm quyền” có nghĩa:
 - (i) trong trường hợp đối với Việt Nam, là Bộ trưởng Tài chính hoặc người đại diện được uỷ quyền của Bộ trưởng Tài chính; và
 - (ii) trong trường hợp đối với Cộng hoà Liên bang Đức, là Bộ Tài chính Liên bang;
- 2. Trong khi một Nước ký kết áp dụng Hiệp định này, mọi thuật ngữ chưa được định nghĩa trong Hiệp định này sẽ có nghĩa theo như định nghĩa trong luật của Nước đó đối với các loại thuế mà Hiệp định này áp dụng, trừ trường hợp ngữ cảnh đòi hỏi có sự giải thích khác.
- (ii) in respect of the Federal Republic of Germany any German within the meaning of Article 116, paragraph (1), of the Basic Law for the Federal Republic of Germany and any legal person, partnership and association deriving its status as such from the law in force in the Federal Republic of Germany;
- h. the term “international traffic” means any transport by a ship or aircraft operated by an enterprise which has its place of effective management in a Contracting State, except when the ship or aircraft is operated solely between places in the other Contracting State; and
- i. the term “competent authority” means:
 - (i) in the case of Vietnam, the Minister of Finance or his authorized representative; and
 - (ii) in the case of the Federal Republic of Germany, the Federal Ministry of Finance.
- 2. As regards the application of the Agreement by a Contracting State, any term not defined therein shall, unless the context otherwise requires, have the meaning which it has under the law of that State concerning the taxes to which the Agreement applies.

ĐIỀU 4

ĐỐI TƯỢNG CƯ TRÚ

1. Theo nghĩa trong Hiệp định này, thuật ngữ “đối tượng cư trú của một Nước ký kết” có nghĩa là bất cứ đối tượng nào, mà theo các luật của Nước đó, là đối tượng chịu thuế căn cứ vào nhà ở, nơi cư trú, trụ

ARTICLE 4

RESIDENT

1. For the purposes of this Agreement, the term “resident of a Contracting State” means any person who, under the laws of that State, is liable to tax therein by reason of his domicile, residence, place of

sở điều hành hoặc các tiêu chuẩn khác có tính chất tương tự.

2. Trường hợp theo những quy định tại khoản 1, khi một cá nhân là đối tượng cư trú của cả hai Nước ký kết, thì thân phận cư trú của cá nhân đó sẽ được xác định như sau:
 - a. cá nhân đó sẽ được coi là đối tượng cư trú của Nước ký kết mà tại đó cá nhân đó có nhà ở thường trú. Nếu cá nhân đó có nhà ở thường trú ở cả hai Nước ký kết thì cá nhân đó sẽ được coi là đối tượng cư trú của Nước ký kết mà cá nhân đó có các quan hệ cá nhân và kinh tế chặt chẽ hơn (trung tâm của các quyền lợi chủ yếu);
 - b. nếu như không thể xác định được Nước mà ở đó cá nhân đó có trung tâm của các quyền lợi chủ yếu, hoặc nếu cá nhân đó không có nhà ở thường trú ở cả hai Nước thì cá nhân đó được coi là đối tượng cư trú của Nước ký kết mà cá nhân đó thường sống;
 - c. nếu cá nhân đó thường sống ở hai Nước hay không sống thường xuyên ở Nước nào thì cá nhân đó được coi là đối tượng cư trú của Nước mà cá nhân đó mang quốc tịch;
 - d. nếu cá nhân đó là đối tượng mang quốc tịch của hai Nước hoặc không mang quốc tịch của cả hai Nước này thì các nhà chức trách có thẩm quyền của hai Nước ký kết sẽ giải quyết vấn đề đó bằng thỏa thuận chung.
3. Trường hợp do những quy định tại khoản 1, khi một công ty là đối tượng cư trú của cả hai Nước ký kết, lúc đó công ty trên sẽ được coi là đối tượng cư trú của Nước nơi đặt trụ sở điều hành thực tế của công ty.

management or any other criterion of a similar nature.

2. Where by reason of the provisions of paragraph 1 an individual is a resident of both Contracting States, then his status shall be determined as follows:
 - a. he shall be deemed to be a resident of the State in which he has a permanent home available to him. If he has a permanent home available to him in both States, he shall be deemed to be a resident of the State with which his personal and economic relations are closer (centre of vital interests);
 - b. if the State in which he has his centre of vital interests cannot be determined, or if he has no permanent home available to him in either State, he shall be deemed to be a resident of the State in which he has an habitual abode;
 - c. if he has an habitual abode in both States or in neither of them, he shall be deemed to be a resident of the State of which he is a national;
 - d. if he is a national of both States or of neither of them, the competent authorities of the Contracting States shall settle the question by mutual agreement.
3. Where by reason of the provisions of paragraph 1, a company is a resident of both Contracting States, then it shall be deemed to be a resident of the State in which its place of effective management is situated.

ĐIỀU 5

CƠ SỞ THƯỜNG TRÚ

1. Theo Hiệp định này, thuật ngữ “cơ sở thường trú” có nghĩa là một cơ sở kinh doanh cố định mà qua đó xí nghiệp thực hiện toàn bộ hay một phần hoạt động kinh doanh của mình.
2. Thuật ngữ “cơ sở thường trú” chủ yếu bao gồm:
 - a. trụ sở điều hành;
 - b. chi nhánh;
 - c. văn phòng;
 - d. nhà máy;
 - e. xưởng; và
 - f. mỏ, giếng dầu hoặc khí, mỏ đá hoặc bất kỳ địa điểm khai thác tài nguyên thiên nhiên nào khác.
3. Một địa điểm xây dựng hay công trình xây dựng hoặc lắp đặt sẽ tạo nên một cơ sở thường trú chỉ khi địa điểm hay công trình đó kéo dài hơn 6 tháng.
4. Mặc dù có những quy định trên của Điều này, thuật ngữ “cơ sở thường trú” sẽ được coi là không bao gồm:
 - a. việc sử dụng các phương tiện riêng cho mục đích lưu kho, trưng bày hoặc giao hàng hoá hay tài sản của xí nghiệp;
 - b. việc duy trì kho hàng hoá hoặc tài sản của xí nghiệp chỉ với mục đích lưu kho, trưng bày hoặc giao hàng;
 - c. việc duy trì kho hàng hoá hoặc tài sản của xí nghiệp chỉ với mục đích để cho xí nghiệp khác gia công;
 - d. việc duy trì một cơ sở kinh doanh cố định

ARTICLE 5

PERMANENT ESTABLISHMENT

1. For the purposes of this Agreement, the term “permanent establishment” means a fixed place of business through which the business of an enterprise is wholly or partly carried on.
2. The term “permanent establishment” includes especially
 - a. a place of management;
 - b. a branch;
 - c. an office;
 - d. a factory;
 - e. a workshop; and
 - f. a mine, an oil or gas well, a quarry or any other place of extraction of natural resources.
3. A building site or construction or installation project constitutes a permanent establishment only if it lasts more than six months.
4. Notwithstanding the preceding provisions of this Article, the term “permanent establishment” shall be deemed not to include:
 - a. the use of facilities solely for the purpose of storage, display or delivery of goods or merchandise belonging to the enterprise;
 - b. the maintenance of a stock of goods or merchandise belonging to the enterprise solely for the purpose of storage, display or delivery;
 - c. the maintenance of a stock of goods or merchandise belonging to the enterprise solely for the purpose of processing by another enterprise;
 - d. the maintenance of a fixed place of busi-

- chỉ nhằm mục đích mua hàng hoá hoặc tài sản hay để thu thập thông tin cho xí nghiệp đó;
- e. việc duy trì một cơ sở kinh doanh cố định chỉ với mục đích tiến hành bất kỳ hoạt động nào khác có tính chất chuẩn bị hoặc phụ trợ cho xí nghiệp;
 - f. việc duy trì một cơ sở kinh doanh cố định chỉ với mục đích kết hợp bất kỳ hoạt động nào nêu từ điểm (a) tới điểm (e), với điều kiện toàn bộ hoạt động của cơ sở kinh doanh cố định từ sự kết hợp trên mang tính chất chuẩn bị hay phụ trợ.
5. Mặc dù có những quy định tại khoản 1 và 2, trường hợp một đối tượng - trừ đại lý có tư cách độc lập được điều chỉnh bởi khoản 6 - hoạt động thay mặt cho một xí nghiệp và đối tượng đó có và thường xuyên thực hiện tại một Nước ký kết thẩm quyền ký kết các hợp đồng đứng tên xí nghiệp thì xí nghiệp đó sẽ được coi là có cơ sở thường trú tại Nước đó đối với các hoạt động mà đối tượng này thực hiện cho xí nghiệp, trừ khi các hoạt động của đối tượng này chỉ giới hạn trong phạm vi các hoạt động nêu tại khoản 4 mà các hoạt động đó nếu được thực hiện thông qua một cơ sở kinh doanh cố định thì sẽ không làm cho cơ sở kinh doanh cố định đó trở thành một cơ sở thường trú theo những quy định tại khoản đó.
 6. Một xí nghiệp sẽ không được coi là có cơ sở thường trú tại một Nước ký kết nếu xí nghiệp đó chỉ thực hiện kinh doanh tại Nước đó thông qua một đại lý môi giới, một đại lý hoa hồng hoặc bất kỳ một đại lý nào khác có tư cách độc lập, với điều kiện những đối tượng này chỉ hoạt động trong khuôn khổ kinh doanh thông thường của họ.
 7. Việc một công ty là đối tượng cư trú của một Nước ký kết kiểm soát hoặc chịu sự kiểm soát bởi một công ty là đối tượng cư trú của Nước ký kết kia hoặc đang tiến hành hoạt động kinh doanh tại Nước kia
- ness solely for the purpose of purchasing goods or merchandise or of collecting information, for the enterprise;
 - e. the maintenance of a fixed place of business solely for the purpose of carrying on, for the enterprise, any other activity of a preparatory or auxiliary character;
 - f. the maintenance of a fixed place of business solely for any combination of activities mentioned in sub-paragraphs (a) to (e), provided that the overall activity of the fixed place of business resulting from this combination is of a preparatory or auxiliary character.
5. Notwithstanding the provisions of paragraphs 1 and 2, where a person - other than an agent of an independent status to whom paragraph 6 applies - is acting on behalf of an enterprise and has, and habitually exercises, in a Contracting State an authority to conclude contracts in the name of the enterprise, that enterprise shall be deemed to have a permanent establishment in that State in respect of any activities which that person undertakes for the enterprise, unless the activities of such person are limited to those mentioned in paragraph 4 which, if exercised through a fixed place of business, would not make this fixed place of business a permanent establishment under the provisions of that paragraph.
 6. An enterprise shall not be deemed to have a permanent establishment in a Contracting State merely because it carries on business in that State through a broker, general commission agent or any other agent of an independent status, provided that such persons are acting in the ordinary course of their business.
 7. The fact that a company which is a resident of a Contracting State controls or is controlled by a company which is a resident of the other Contracting State, or which carries on business in that other

(có thể thông qua một cơ sở thường trú hay dưới hình thức khác) sẽ không làm cho bất kỳ công ty nào trở thành cơ sở thường trú của công ty kia.

State (whether through a permanent establishment or otherwise), shall not of itself constitute either company a permanent establishment of the other.

ĐIỀU 6

THU NHẬP TỪ BẤT ĐỘNG SẢN

1. Thu nhập mà một đối tượng cư trú tại một Nước ký kết thu được từ bất động sản (kể cả thu nhập từ nông nghiệp hoặc lâm nghiệp) nằm tại Nước ký kết kia có thể bị đánh thuế tại Nước kia.
2. Thuật ngữ "bất động sản" sẽ có nghĩa theo như luật của Nước ký kết nơi có bất động sản đó. Trong mọi trường hợp, thuật ngữ này sẽ bao gồm cả những phần tài sản phụ kèm theo bất động sản, đàn gia súc và thiết bị sử dụng trong nông nghiệp và lâm nghiệp, các quyền lợi được áp dụng theo như những quy định tại luật chung về di sản, quyền sử dụng hoa lợi của bất động sản, và quyền được hưởng các khoản thanh toán cố định hoặc thay đổi dưới dạng tiền công trả cho việc khai thác hay quyền khai thác các mỏ, nguồn khoáng sản và các tài nguyên thiên nhiên khác; các tàu thủy và máy bay không được coi là bất động sản.
3. Những quy định tại khoản 1 sẽ áp dụng đối với thu nhập phát sinh từ việc trực tiếp sử dụng, cho thuê hay sử dụng các loại bất động sản dưới bất kỳ hình thức nào khác.
4. Những quy định tại khoản 1 và 3 cũng sẽ áp dụng cho thu nhập từ bất động sản của một xí nghiệp và đối với thu nhập từ bất động sản được sử dụng để thực hiện các hoạt động dịch vụ cá nhân độc lập.

ARTICLE 6

INCOME FROM IMMOVABLE PROPERTY

1. Income derived by a resident of a Contracting State from immovable property (including income from agriculture or forestry) situated in the other Contracting State may be taxed in that other State.
2. The term "immovable property" shall have the meaning which it has under the law of the Contracting State in which the property in question is situated. The term shall in any case include property accessory to immovable property, livestock and equipment used in agriculture and forestry, rights to which the provisions of general law respecting landed property apply, usufruct of immovable property and rights to variable or fixed payments as consideration for the working of, or the right to work, mineral deposits, sources and other natural resources; ships and aircraft shall not be regarded as immovable property.
3. The provisions of paragraph 1 shall apply to income derived from the direct use, letting, or use in any other form of immovable property.
4. The provisions of paragraphs 1 and 3 shall also apply to the income from immovable property of an enterprise and to income from immovable property used for the performance of independent personal services.

ĐIỀU 7

LỢI TỨC DOANH NGHIỆP

1. Lợi tức của xí nghiệp tại một Nước ký kết sẽ chỉ chịu thuế tại Nước đó, trừ trường hợp xí nghiệp có tiến hành hoạt động kinh doanh tại Nước ký kết kia thông qua một cơ sở thường trú tại Nước kia. Nếu xí nghiệp hoạt động kinh doanh theo cách trên, thì các khoản lợi tức của xí nghiệp có thể bị đánh thuế tại Nước kia nhưng chỉ trên phần lợi tức phân bổ cho cơ sở thường trú đó.
2. Theo các quy định tại khoản 3, khi một xí nghiệp của một Nước ký kết tiến hành hoạt động kinh doanh tại Nước ký kết kia thông qua một cơ sở thường trú tại Nước kia thì tại mỗi Nước ký kết sẽ có những khoản lợi tức được phân bổ cho cơ sở thường trú nói trên mà cơ sở đó có thể thu được, nếu nó là một xí nghiệp riêng, tách biệt cùng tham gia vào các hoạt động tương tự trong cùng những điều kiện như nhau hay tương tự và có quan hệ hoàn toàn độc lập với xí nghiệp mà cơ sở đó được coi là cơ sở thường trú.
3. Trong khi xác định lợi tức của một cơ sở thường trú, cơ sở này sẽ được phép khấu trừ các khoản chi phí phát sinh phục vụ cho mục đích kinh doanh của cơ sở thường trú đó bao gồm cả chi phí điều hành và chi phí quản lý chung cho dù chi phí đó phát sinh tại Nước nơi cơ sở thường trú đó đóng hoặc ở bất kỳ nơi nào khác.
4. Trường hợp tại một Nước ký kết vẫn thường xác định các khoản lợi tức phân bổ cho một cơ sở thường trú trên cơ sở phân chia tổng lợi tức của xí nghiệp thành các phần khác nhau, thì không có nội dung nào tại khoản 2 ngăn cản Nước ký kết đó xác định lợi tức chịu thuế theo cách phân chia theo thông lệ đó; tuy nhiên, phương pháp phân chia được áp

ARTICLE 7

BUSINESS PROFITS

1. The profits of an enterprise of a Contracting State shall be taxable only in that State unless the enterprise carries on business in the other Contracting State through a permanent establishment situated therein. If the enterprise carries on business as aforesaid, the profits of the enterprise may be taxed in the other State but only so much of them as is attributable to that permanent establishment.
2. Subject to the provisions of paragraph 3, where an enterprise of a Contracting State carries on business in the other Contracting State through a permanent establishment situated therein, there shall in each Contracting State be attributed to that permanent establishment the profits which it might be expected to make if it were a distinct and separate enterprise engaged in the same or similar activities under the same or similar conditions and dealing wholly independently with the enterprise of which it is a permanent establishment.
3. In determining the profits of a permanent establishment, there shall be allowed as deductions expenses which are incurred for the purposes of the business of the permanent establishment, including executive and general administrative expenses so incurred, whether in the State in which the permanent establishment is situated or elsewhere.
4. Insofar as it has been customary in a Contracting State to determine the profits to be attributed to a permanent establishment on the basis of an apportionment of the total profits of the enterprise to its various parts, nothing in paragraph 2 shall preclude such Contracting State from determining the profits to be taxed by such an apportionment as may be cus-

dụng phải đưa ra kết quả phù hợp với nguyên tắc tại Điều này.

5. Không một khoản lợi tức nào sẽ được phân bổ cho một cơ sở thường trú chỉ vì lý do cơ sở thường trú đó mua hàng hoá hay tài sản cho xí nghiệp.
6. Theo nội dung những khoản trên, các khoản lợi tức được phân bổ cho cơ sở thường trú sẽ được xác định theo cùng một phương pháp qua các năm trừ khi có đủ lý do chính đáng để thay đổi phương pháp xác định.
7. Khi lợi tức bao gồm các khoản thu nhập được đề cập riêng tại các Điều khác của Hiệp định này, thì các quy định tại các Điều đó không bị ảnh hưởng bởi những quy định tại Điều này.

ĐIỀU 8

VẬN TẢI BIỂN VÀ VẬN TẢI HÀNG KHÔNG

1. Lợi tức từ hoạt động của tàu thủy hoặc máy bay trong vận tải quốc tế sẽ chỉ bị đánh thuế tại Nước ký kết nơi đóng trụ sở điều hành thực tế của xí nghiệp.
2. Những quy định tại khoản 1 cũng sẽ áp dụng cho các khoản lợi tức thu được từ việc tham gia vào một tổ hợp, một liên doanh hay một hãng hoạt động quốc tế.

tomary; the method of apportionment adopted shall, however, be such that the result shall be in accordance with the principles contained in this Article.

5. No profits shall be attributed to a permanent establishment by reason of the mere purchase by that permanent establishment of goods or merchandise for the enterprise.
6. For the purposes of the preceding paragraphs, the profits to be attributed to the permanent establishment shall be determined by the same method year by year unless there is good and sufficient reason to the contrary.
7. Where profits include items of income which are dealt with separately in other Articles of this Agreement, then the provisions of those Articles shall not be affected by the provisions of this Article.

ARTICLE 8

SHIPPING AND AIR TRANSPORT

1. Profits from the operation of ships or aircraft in international traffic shall be taxable only in the Contracting State in which the place of effective management of the enterprise is situated.
2. The provisions of paragraph 1 shall also apply to profits from the participation in a pool, a joint business or an international operating agency.

ĐIỀU 9

NHỮNG XÍ NGHIỆP LIÊN KẾT

Khi:

- a. một xí nghiệp của một Nước ký kết tham gia trực tiếp hoặc gián tiếp vào việc điều hành, kiểm soát hoặc góp vốn vào một xí nghiệp của Nước ký kết kia, hoặc
- b. các đối tượng cùng tham gia trực tiếp hoặc gián tiếp vào việc điều hành, kiểm soát hoặc góp vốn vào một xí nghiệp của một Nước ký kết và vào một xí nghiệp của Nước ký kết kia,

và trong cả hai trường hợp, trong mối quan hệ tài chính và thương mại giữa hai xí nghiệp trên có những điều kiện được đưa ra hoặc áp đặt khác với điều kiện được đưa ra giữa các xí nghiệp độc lập, lúc đó mọi khoản lợi tức mà một xí nghiệp có thể thu được nếu không có những điều kiện trên nhưng nay vì những điều kiện này mà xí nghiệp đó không thu được, sẽ vẫn được tính vào các khoản lợi tức của xí nghiệp đó và phải chịu thuế tương ứng.

ĐIỀU 10

TIỀN LÃI CỔ PHẦN

1. Tiền lãi cổ phần do một công ty là đối tượng cư trú của một Nước ký kết trả cho một đối tượng cư trú của Nước ký kết kia có thể bị đánh thuế ở Nước kia.
2. Tuy nhiên, những khoản tiền lãi cổ phần đó cũng có thể bị đánh thuế tại Nước ký kết nơi công ty trả tiền lãi cổ phần là đối tượng cư trú và theo các luật của Nước đó, nhưng nếu đối tượng nhận là đối tượng thực hưởng tiền lãi cổ phần thì thuế được tính khi đó sẽ không vượt quá:

ARTICLE 9

ASSOCIATED ENTERPRISES

Where

- a. an enterprise of a Contracting State participates directly or indirectly in the management, control or capital of an enterprise of the other Contracting State, or
- b. the same persons participate directly or indirectly in the management, control or capital of an enterprise of a Contracting State and an enterprise of the other Contracting State.

and in either case conditions are made or imposed between the two enterprises in their commercial or financial relations which differ from those which would be made between independent enterprises, then any profits which would, but for those conditions, have accrued to one of the enterprises, but, by reason of those conditions, have not so accrued, may be included in the profits of that enterprise and taxed accordingly.

ARTICLE 10

DIVIDENDS

1. Dividends paid by a company which is a resident of a Contracting State to a resident of the other Contracting State may be taxed in that other State.
2. However, such dividends may also be taxed in the Contracting State of which the company paying the dividends is a resident and according to the laws of that State, but if the recipient is the beneficial owner of the dividends the tax so charged shall not exceed:

- a. 5 phần trăm tổng số tiền lãi cổ phần nếu đối tượng nhận là một công ty (trừ tổ chức hùn vốn) trực tiếp sở hữu ít nhất 70 phần trăm số vốn của công ty trả tiền lãi cổ phần;
 - b. 10 phần trăm tổng số tiền lãi cổ phần nếu đối tượng nhận là một công ty (trừ tổ chức hùn vốn) trực tiếp sở hữu ít nhất 25 phần trăm vốn của công ty trả tiền lãi cổ phần;
 - c. 15 phần trăm tổng số tiền lãi cổ phần trong tất cả các trường hợp khác.
3. Thuật ngữ "tiền lãi cổ phần" được sử dụng trong Điều này có nghĩa là tiền lãi từ các cổ phần, bao gồm cả thu nhập từ các cổ phần, cổ phần "jouissance" hoặc các quyền lợi "jouissance", cổ phần khai thác, các cổ phần sáng lập hoặc các quyền lợi khác, không kể các khoản nợ được hưởng lợi tức, cũng như các khoản thu nhập khác cùng chịu sự điều chỉnh của chính sách thuế đối với thu nhập từ cổ phần theo các luật của Nước nơi công ty chia lãi cổ phần là đối tượng cư trú.
4. Những quy định tại khoản 1 và 2 sẽ không áp dụng trong trường hợp đối tượng thực hưởng các khoản tiền lãi cổ phần là đối tượng cư trú của một Nước ký kết có tiến hành hoạt động kinh doanh tại Nước ký kết kia, nơi công ty trả tiền lãi cổ phần là đối tượng cư trú, thông qua một cơ sở thường trú nằm tại Nước đó, hay tiến hành tại Nước kia các hoạt động dịch vụ cá nhân độc lập thông qua một cơ sở cố định nằm tại Nước kia, và quyền nắm giữ cổ phần nhờ đó được hưởng tiền lãi cổ phần, có sự liên hệ thực tế đến cơ sở thường trú hoặc cơ sở cố định nói trên. Trong trường hợp nêu trên, các quy định tại Điều 7 hoặc Điều 14 của Hiệp định này, tùy từng trường hợp, sẽ được áp dụng.
5. Khi một công ty là đối tượng cư trú của một Nước ký kết có lợi tức hay thu nhập
- a. 5 per cent of the gross amount of the dividends if the recipient is a company (excluding partnerships) which owns directly at least 70 per cent of the capital of the company paying the dividends;
 - b. 10 per cent of the gross amount of the dividends if the recipient is a company (excluding partnerships) which owns directly at least 25 per cent of the capital of the company paying the dividends;
 - c. 15 per cent of the gross amount of the dividends in all other cases.
3. The term "dividends" as used in this Article means dividends on shares including income from shares, "jouissance" shares or "jouissance" rights, mining shares, founders' shares or other rights, not being debt-claims, participating in profits, as well as other income which is subjected to the same taxation treatment as income from shares by the laws of the State of which the company making the distribution is a resident.
4. The provisions of paragraphs 1 and 2 shall not apply if the beneficial owner of the dividends, being a resident of a Contracting State, carries on business in the other Contracting State of which the company paying the dividends is a resident through a permanent establishment situated therein, or performs in that other State independent personal services from a fixed base situated therein, and the holding in respect of which the dividends are paid is effectively connected with such permanent establishment or fixed base. In such case the provisions of Article 7 or Article 14, as the case may be, shall apply.
5. Where a company which is a resident of a Contracting State derives profits or

phát sinh từ Nước ký kết kia thì Nước kia có thể không đánh thuế đối với những khoản tiền lãi cổ phần do công ty này trả, trừ trường hợp những khoản tiền lãi cổ phần này được trả cho đối tượng cư trú của Nước kia, hoặc quyền nắm giữ cổ phần có các khoản tiền lãi cổ phần được trả có sự liên hệ thực tế với một cơ sở thường trú hay một cơ sở cố định tại Nước kia, đồng thời Nước kia cũng không buộc các khoản lợi tức không chia của công ty trên phải chịu thuế đối với những khoản lợi tức không chia của công ty, cho dù những khoản tiền lãi cổ phần được chia hoặc các khoản lợi tức không chia bao gồm toàn bộ hay một phần các khoản lợi tức hoặc thu nhập phát sinh tại Nước kia.

ĐIỀU 11

LÃI TỪ TIỀN CHO VAY

1. Lãi từ tiền cho vay phát sinh tại một Nước ký kết và được trả cho đối tượng cư trú của Nước ký kết kia có thể bị đánh thuế tại Nước kia.
2. Tuy nhiên, khoản tiền lãi này cũng có thể bị đánh thuế ở Nước ký kết nơi phát sinh lãi và theo luật của Nước đó, nhưng nếu đối tượng nhận là đối tượng thực hưởng các khoản tiền lãi thì mức thuế khi đó được tính sẽ không quá 10 phần trăm tổng số khoản lãi từ tiền cho vay.
3. Mặc dù đã có những quy định tại khoản 2,
 - a. lãi từ tiền cho vay phát sinh tại Việt Nam và được trả cho Chính phủ Cộng hoà Liên bang Đức, Ngân hàng Bundesbank của Đức, tổ chức Kreditanstalt für Wiederaufbau hoặc tổ chức Deutsche Investitions-und Entwicklungsgesellschaft

income from the other Contracting State, that other State may not impose any tax on the dividends paid by the company, except insofar as such dividends are paid to a resident of that other State or insofar as the holding in respect of which the dividends are paid is effectively connected with a permanent establishment or a fixed base situated in that other State, nor subject the company's undistributed profits to a tax on the company's undistributed profits, even if the dividends paid or the undistributed profits consist wholly or partly of profits or income arising in that other State.

ARTICLE 11

INTEREST

1. Interest arising in a Contracting State and paid to a resident of the other Contracting State may be taxed in that other State.
2. However, such interest may also be taxed in the Contracting State in which it arises, and according to the laws of that State, but if the recipient is the beneficial owner of the interest, the tax so charged shall not exceed 10 per cent of the gross amount of the interest.
3. Notwithstanding the provisions of paragraph 2,
 - a. interest arising in Vietnam and paid to the Government of the Federal Republic of Germany, the Deutsche Bundesbank, the Kreditanstalt für Wiederaufbau or the Deutsche Investitions-und Entwicklungsgesellschaft (DEG) and

- (DEG) và lãi từ tiền cho vay được trả có liên quan đến khoản tiền vay được tổ chức HERMES-Deckung bảo đảm sẽ được miễn thuế Việt Nam;
- b. lãi từ tiền cho vay phát sinh tại Cộng hoà Liên bang Đức và được trả cho Chính phủ Việt Nam, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hoặc cơ quan chính quyền cơ sở của Việt Nam sẽ được miễn thuế Đức.
4. Thuật ngữ "lãi từ tiền cho vay" dùng ở Điều này có nghĩa là thu nhập từ các khoản cho vay dưới bất kỳ dạng nào, có hay không được đảm bảo bằng thế chấp và có hoặc không có quyền được hưởng lợi tức của người đi vay, và đặc biệt là khoản thu nhập từ chứng khoán chính phủ và thu nhập từ trái phiếu hoặc trái phiếu thông thường kể cả tiền thưởng và giải thưởng đi kèm với các loại trái phiếu và trái phiếu thông thường trên. Tiền phạt thanh toán chậm sẽ không được coi là lãi từ tiền cho vay theo nội dung của Điều này.
5. Những quy định tại khoản 1, 2 và 3 sẽ không được áp dụng nếu đối tượng thực hưởng các khoản lãi từ tiền cho vay là đối tượng cư trú tại một Nước ký kết, tiến hành hoạt động kinh doanh tại Nước ký kết kia nơi phát sinh các khoản lãi từ tiền vay thông qua một cơ sở thường trú tại Nước kia hoặc thực hiện tại Nước kia các hoạt động dịch vụ cá nhân độc lập thông qua một cơ sở cố định nằm tại Nước kia và khoản nợ có các khoản tiền lãi được trả có sự liên hệ thực tế với cơ sở thường trú hay cơ sở cố định đó. Trong trường hợp đó các quy định tại Điều 7 hoặc Điều 14, tùy từng trường hợp, sẽ được áp dụng.
6. Lãi từ tiền cho vay sẽ được coi là phát sinh tại một Nước ký kết khi người trả chính là Nhà nước đó, Bang, cơ quan chính quyền cơ sở, chính quyền địa phương, hoặc đối tượng cư trú của Nước đó. Tuy nhiên, khi đối tượng trả lãi có ở một Nước ký kết một cơ sở thường trú hay một cơ sở cố định liên quan đến các
- interest paid in consideration of a loan guaranteed by HERMES-Deckung shall be exempt from Vietnamese tax;
- b. interest arising in the Federal Republic of Germany and paid to the Government of Vietnam, the State Bank of Vietnam or the local authorities of Vietnam shall be exempt from German tax.
4. The term "interest" as used in this Article means income from debt-claims of every kind, whether or not secured by mortgage, and whether or not carrying a right to participate in the debtor's profits, and, in particular, income from government securities and income from bonds or debentures, including premiums and prizes attaching to such securities, bonds or debentures. Penalty charges for late payment shall not be regarded as interest for the purpose of this Article.
5. The provisions of paragraphs 1, 2 and 3 shall not apply if the beneficial owner of the interest, being a resident of a Contracting State, carries on business in the other Contracting State in which the interest arises, through a permanent establishment situated therein, or performs in that other State independent personal services from a fixed base situated therein and the debt-claim in respect of which the interest is paid is effectively connected with such permanent establishment or fixed base. In such case the provisions of Article 7 or Article 14, as the case may be, shall apply.
6. Interest shall be deemed to arise in a Contracting State when the payer is that State itself, a Land, a political subdivision, a local authority or a resident of that State. Where, however, the person paying the interest, whether he is a resident of a Contracting State or not, has in a Contracting State a permanent establish-

khoản nợ đã phát sinh các khoản lãi này, và khoản tiền lãi đó do cơ sở thường trú hoặc cơ sở cố định đó chịu thì dù đối tượng có là đối tượng cư trú của một Nước ký kết hay không, khoản tiền lãi này sẽ vẫn được coi là phát sinh ở Nước nơi cơ sở thường trú hay cơ sở cố định đó đóng.

7. Trường hợp do mối quan hệ đặc biệt giữa đối tượng trả lãi và đối tượng thực hưởng lãi hoặc giữa cả hai đối tượng trên và các đối tượng khác, khoản lãi từ tiền cho vay liên quan đến khoản nợ có số tiền lãi được trả vượt quá khoản tiền được thỏa thuận giữa đối tượng đi vay và đối tượng thực hưởng khi không có mối quan hệ này, thì khi đó, các quy định của Điều này sẽ chỉ áp dụng đối với các khoản tiền thanh toán khi không có mối quan hệ đặc biệt trên. Trong trường hợp này, phần thanh toán vượt sẽ vẫn bị đánh thuế theo các luật của từng Nước ký kết, có xem xét thích đáng tới các quy định khác của Hiệp định này.

ment or a fixed base in connection with which the indebtedness on which the interest is paid was incurred, and such interest is borne by such permanent establishment or fixed base, then such interest shall be deemed to arise in the State in which the permanent establishment or fixed base is situated.

7. Where, by reason of a special relationship between the payer and the beneficial owner or between both of them and some other person, the amount of the interest, having regard to the debt-claim for which it is paid, exceeds the amount which would have been agreed upon by the payer and the beneficial owner in the absence of such relationship, the provisions of this Article shall apply only to the last-mentioned amount. In such case, the excess part of the payments shall remain taxable according to the laws of each Contracting State, due regard being had to the other provisions of this Agreement.

ĐIỀU 12

TIỀN BẢN QUYỀN VÀ PHÍ DỊCH VỤ KỸ THUẬT

1. Tiền bản quyền và phí dịch vụ kỹ thuật phát sinh tại một Nước ký kết và được trả cho một đối tượng cư trú của Nước ký kết kia có thể bị đánh thuế tại Nước ký kết nơi phát sinh và theo các luật của Nước đó, nhưng nếu đối tượng nhận là đối tượng thực hưởng tiền bản quyền hoặc phí dịch vụ kỹ thuật thì thuế được tính khi đó sẽ không vượt quá:
 - a. trong trường hợp đối với tiền bản quyền, 10 phần trăm tổng số tiền bản quyền đó;
 - b. trong trường hợp đối với phí dịch vụ kỹ thuật, 7,5 phần trăm tổng số phí dịch vụ kỹ thuật đó.

ARTICLE 12

ROYALTIES AND FEES FOR TECHNICAL SERVICES

1. Royalties and fees for technical services arising in a Contracting State and paid to a resident of the other Contracting State may be taxed in the Contracting State in which they arise and according to the laws of that State, but if the recipient is the beneficial owner of the royalties or of the fees for technical services the tax so charged shall not exceed:
 - a. in the case of royalties 10 per cent of the gross amount of such royalties,
 - b. in the case of fees for technical services 7.5 per cent of the gross amount of such fees.

2. Thuật ngữ "tiền bản quyền" được sử dụng trong Điều này có nghĩa là các khoản thanh toán ở bất kỳ dạng nào được trả cho việc sử dụng, hoặc quyền sử dụng, bản quyền tác giả của một tác phẩm văn học, nghệ thuật hay khoa học (kể cả phim điện ảnh và các loại phim hay các loại băng dùng trong phát thanh và truyền hình), băng phát minh, nhãn hiệu thương mại, thiết kế hoặc mẫu, đồ án, công thức hoặc quy trình bí mật, hay trả cho việc sử dụng, hay quyền sử dụng thiết bị công nghiệp, thương mại hoặc khoa học, hay trả cho thông tin liên quan đến các kinh nghiệm công nghiệp, thương mại hoặc khoa học.
3. Thuật ngữ "phí dịch vụ kỹ thuật" được sử dụng trong Điều này có nghĩa là các khoản tiền trả cho bất kỳ đối tượng nào, trừ các khoản tiền trả cho nhân viên của đối tượng trả tiền, liên quan đến các dịch vụ mang tính chất quản lý, kỹ thuật hay tư vấn được thực hiện tại Nước ký kết mà đối tượng trả là đối tượng cư trú.
4. Những quy định tại khoản 1 Điều này sẽ không áp dụng nếu đối tượng thực hưởng các khoản tiền bản quyền hoặc phí dịch vụ kỹ thuật, là đối tượng cư trú của một Nước ký kết, tiến hành hoạt động kinh doanh ở Nước ký kết kia nơi có khoản tiền bản quyền hoặc phí dịch vụ kỹ thuật phát sinh, thông qua một cơ sở thường trú nằm tại Nước kia hoặc thực hiện tại Nước kia các hoạt động dịch vụ cá nhân độc lập thông qua một cơ sở cố định nằm tại Nước kia, và quyền, tài sản hay hợp đồng có các khoản tiền bản quyền hoặc phí cho dịch vụ kỹ thuật được trả có sự liên hệ thực tế với cơ sở thường trú hoặc cơ sở cố định đó. Trong trường hợp này, các quy định tại Điều 7 và Điều 14, tùy theo từng trường hợp, sẽ được áp dụng.
5. Tiền bản quyền và phí dịch vụ kỹ thuật sẽ được coi là phát sinh tại một Nước ký kết khi đối tượng trả tiền bản quyền chính là
2. The term "royalties" as used in this Article means payments of any kind received as a consideration for the use of, or the right to use, any copyright of literary, artistic or scientific work (including cinematographic films and films or tapes used for radio or television broadcasting), any patent, trade mark, design or model, plan, secret formula or process, or for the use of, or the right to use, industrial, commercial, or scientific equipment, or for information concerning industrial, commercial or scientific experience.
3. The term "fees for technical services" as used in this Article means payments of any kind to any person, other than payments to an employee of the person making the payments, in consideration for any services of a managerial, technical or consultancy nature rendered in the Contracting State of which the payer is a resident.
4. The provisions of paragraph 1 of this Article shall not apply if the beneficial owner of the royalties or fees for technical services, being a resident of a Contracting State, carries on business in the other Contracting State in which the royalties or fees for technical services arise through a permanent establishment situated therein, or performs in that other State independent personal services from a fixed base situated therein, and the right, property or contract in respect of which the royalties or fees for technical services are paid is effectively connected with such permanent establishment or fixed base. In such case, the provisions of Article 7 or Article 14, as the case may be, shall apply.
5. Royalties and fees for technical services shall be deemed to arise in a Contracting State when the payer is that State itself, a

Nhà nước đó, Bang, cơ quan chính quyền cơ sở, chính quyền địa phương hoặc một đối tượng cư trú của Nước đó. Tuy nhiên, khi một đối tượng trả tiền bản quyền hoặc phí dịch vụ kỹ thuật là hay không là đối tượng cư trú của một Nước ký kết, có ở Nước ký kết kia một cơ sở thường trú hay một cơ sở cố định liên quan đến trách nhiệm trả tiền bản quyền và phí dịch vụ kỹ thuật đã phát sinh và tiền bản quyền hoặc phí dịch vụ kỹ thuật đó do cơ sở thường trú hoặc cơ sở cố định đó chịu thì khoản tiền bản quyền hoặc phí dịch vụ kỹ thuật này sẽ được coi là phát sinh ở Nước ký kết có cơ sở thường trú hay cơ sở cố định đó đóng.

- Trường hợp vì mối quan hệ đặc biệt giữa đối tượng trả và đối tượng thực hưởng hoặc giữa cả hai đối tượng trên với các đối tượng khác khoản tiền bản quyền hoặc phí dịch vụ kỹ thuật được trả, vì bất cứ lý do gì, vượt quá khoản tiền được thoả thuận giữa đối tượng trả tiền và đối tượng thực hưởng khi không có mối quan hệ đặc biệt này, thì các quy định của Điều này sẽ chỉ áp dụng đối với khoản tiền thanh toán khi không có mối quan hệ trên. Trong trường hợp này, phần thanh toán vượt sẽ vẫn bị đánh thuế theo các luật của từng Nước ký kết có xem xét thích đáng đến các quy định khác của Hiệp định này.

ĐIỀU 13

LỢI TỨC TỪ CHUYỂN NHƯỢNG TÀI SẢN

- Lợi tức do một đối tượng cư trú của một Nước ký kết thu được từ việc chuyển nhượng bất động sản được nêu tại Điều 6 và bất động sản đó nằm tại Nước ký kết kia có thể bị đánh thuế tại Nước kia.
- Những khoản lợi tức từ việc chuyển

Land, a political subdivision, or a local authority or a resident of that State. Where, however, the person paying the royalties or fees for technical services, whether he is a resident of a Contracting State or not, has in a Contracting State a permanent establishment or a fixed base in connection with which the obligation to make the payments was incurred, and the payments are borne by that permanent establishment or fixed base, then the royalties or fees for technical services shall be deemed to arise in the Contracting State in which the permanent establishment or fixed base is situated.

- Where, by reason of a special relationship between the payer and the beneficial owner or between both of them and some other person, the amount of the royalties or fees for technical services paid exceeds, for whatever reason, the amount which would have been agreed upon by the payer and the beneficial owner in the absence of such relationship, the provisions of this Article shall apply only to the last-mentioned amount. In such case, the excess part of the payments shall remain taxable according to the laws of each Contracting State, due regard being had to the other provisions of this Agreement.

ARTICLE 13

GAINS FROM THE ALIENATION OF PROPERTY

- Gains derived by a resident of a Contracting State from the alienation of immovable property referred to in Article 6 and situated in the other Contracting State may be taxed in that other State.
- Gains from the alienation of movable

nhượng động sản là một phần của tài sản kinh doanh của một cơ sở thường trú mà một xí nghiệp của một Nước ký kết này có tại Nước ký kết kia hoặc động sản thuộc một cơ sở cố định của một đối tượng cư trú của một Nước ký kết có ở Nước ký kết kia để tiến hành hoạt động dịch vụ cá nhân độc lập, kể cả lợi tức từ việc chuyển nhượng cơ sở thường trú đó (riêng cơ sở thường trú đó hoặc cùng với toàn bộ xí nghiệp) hoặc cơ sở cố định đó có thể bị đánh thuế tại Nước kia.

3. Lợi tức thu được từ việc chuyển nhượng các tàu thủy hoặc máy bay trong vận tải quốc tế hay từ chuyển nhượng động sản gắn liền với hoạt động của các tàu thủy hoặc máy bay đó sẽ chỉ bị đánh thuế tại Nước ký kết nơi đóng trụ sở điều hành thực tế của xí nghiệp.
4. Lợi tức thu được từ việc chuyển nhượng các cổ phần trong vốn cổ phần của một công ty mà tài sản của công ty bao gồm trực tiếp hay gián tiếp chủ yếu là các bất động sản nằm tại một Nước ký kết có thể bị đánh thuế tại Nước đó.
5. Lợi tức thu được từ việc chuyển nhượng bất kỳ tài sản nào khác với tài sản nêu tại khoản 1, 2, 3 và 4 sẽ chỉ bị đánh thuế tại Nước nơi đối tượng chuyển nhượng là đối tượng cư trú.

ĐIỀU 14

HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ CÁ NHÂN ĐỘC LẬP

1. Thu nhập do một đối tượng cư trú của một Nước ký kết thu được từ các hoạt động dịch vụ ngành nghề hay các hoạt động có tính chất độc lập khác sẽ chỉ bị đánh thuế tại Nước đó, trừ khi đối tượng đó thường xuyên có một cơ sở cố định tại một Nước ký kết kia nhằm mục đích thực

property forming part of the business property of a permanent establishment which an enterprise of a Contracting State has in the other Contracting State or of movable property pertaining to a fixed base available to a resident of a Contracting State in the other Contracting State for the purpose of performing independent personal services, including such gains from the alienation of such a permanent establishment (alone or with the whole enterprise) or of such fixed base, may be taxed in that other State.

3. Gains from the alienation of ships or aircraft operated in international traffic or movable property pertaining to the operation of such ships or aircraft shall be taxable only in the Contracting State in which the place of effective management of the enterprise is situated.
4. Gains from the alienation of shares of the capital stock of a company the property of which consists directly or indirectly principally of immovable property situated in a Contracting State may be taxed in that State.
5. Gains from the alienation of any property other than that referred to in paragraphs 1, 2, 3 and 4 shall be taxable only in the State of which the alienator is a resident.

ARTICLE 14

INDEPENDENT PERSONAL SERVICES

1. Income derived by a resident of a Contracting State in respect of professional services or other activities of an independent character shall be taxable only in that State unless he has a fixed base regularly available to him in the other Contracting State for the purpose of

hiện các hoạt động của mình. Nếu cá nhân đó có một cơ sở cố định như trên, khoản thu nhập đó có thể bị đánh thuế tại Nước kia nhưng chỉ trên phần thu nhập phân bổ cho cơ sở cố định đó.

2. Thuật ngữ "dịch vụ ngành nghề" bao gồm chủ yếu những hoạt động khoa học, văn học, nghệ thuật, giáo dục hay giảng dạy mang tính chất độc lập như các hoạt động độc lập của các thầy thuốc, bác sỹ, luật sư, kiến trúc sư, nhà sĩ và kế toán viên.

ĐIỀU 15

HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ CÁ NHÂN PHỤ THUỘC

1. Thể theo các quy định tại Điều 16, 18 và 19 các khoản tiền lương, tiền công và các khoản tiền thù lao tương tự khác do một đối tượng cư trú của một Nước ký kết thu được từ lao động làm công sẽ chỉ bị đánh thuế tại Nước đó, trừ khi công việc của đối tượng đó được thực hiện tại Nước ký kết kia. Nếu công việc lao động được thực hiện như vậy, số tiền công trả cho lao động đó có thể bị đánh thuế tại Nước kia.
2. Mặc dù có những quy định tại khoản 1, tiền công do một đối tượng cư trú của một Nước ký kết thu được từ lao động làm công tại Nước ký kết kia sẽ chỉ bị đánh thuế tại Nước thứ nhất nếu:
 - a. người nhận tiền công có mặt tại Nước kia trong một thời gian hoặc nhiều thời gian gộp lại không quá 183 ngày trong năm dương lịch có liên quan, và
 - b. chủ lao động hay người đại diện chủ lao động trả tiền công lao động không phải là đối tượng cư trú tại Nước kia, và

performing his activities. If he has such a fixed base, the income may be taxed in the other State but only so much of it as is attributable to that fixed base.

2. The term "professional services" includes especially independent scientific, literary, artistic, educational or teaching activities as well as the independent activities of physicians, lawyers, engineers, architects, dentists and accountants.

ARTICLE 15

DEPENDENT PERSONAL SERVICES

1. Subject to the provisions of Articles 16, 18 and 19, salaries, wages and other similar remuneration derived by a resident of a Contracting State in respect of an employment shall be taxable only in that State unless the employment is exercised in the other Contracting State. If the employment is so exercised, such remuneration as is derived therefrom may be taxed in that other State.
2. Notwithstanding the provisions of paragraph 1, remuneration derived by a resident of a Contracting State in respect of an employment exercised in the other Contracting State shall be taxable only in the first-mentioned State if:
 - a. the recipient is present in the other State for a period or periods not exceeding in the aggregate 183 days in the calendar year concerned, and
 - b. the remuneration is paid by, or on behalf of, an employer who is not a resident of the other State, and

c. số tiền công không phải phát sinh tại một cơ sở thường trú hoặc cơ sở cố định mà người chủ lao động có tại Nước kia.

3. Mặc dù có những quy định trên của Điều này, tiền công từ lao động làm trên tàu thủy hoặc máy bay do một xí nghiệp của một Nước ký kết điều hành trong vận tải quốc tế sẽ chỉ bị đánh thuế tại Nước đó.

c. the remuneration is not borne by a permanent establishment or a fixed base which the employer has in the other State.

3. Notwithstanding the preceding provisions of this Article, remuneration derived in respect of an employment exercised aboard a ship or aircraft operated in international traffic by an enterprise of a Contracting State shall be taxable only in that State.

ĐIỀU 16

THÙ LAO CHO GIÁM ĐỐC

Các khoản thù lao cho giám đốc và các khoản thanh toán tương tự khác do một đối tượng cư trú của một Nước ký kết nhận được với tư cách là thành viên của ban giám đốc của một công ty là đối tượng cư trú của Nước ký kết kia có thể bị đánh thuế ở Nước kia.

ARTICLE 16

DIRECTORS' FEES

Directors' fees and other similar payments derived by a resident of a Contracting State in his capacity as a member of the board of directors of a company which is a resident of the other Contracting State may be taxed in that other State.

ĐIỀU 17

NGHỆ SĨ VÀ VẬN ĐỘNG VIÊN

1. Mặc dù có những quy định tại Điều 14 và 15, thu nhập của một đối tượng cư trú của một Nước ký kết thu được với tư cách người biểu diễn như diễn viên sân khấu, điện ảnh, phát thanh hay truyền hình, hoặc nhạc công, hoặc với tư cách là vận động viên, từ những hoạt động trình diễn cá nhân của mình thực hiện tại Nước ký kết kia có thể bị đánh thuế ở Nước kia.

2. Trường hợp thu nhập liên quan đến các hoạt động trình diễn cá nhân của người biểu diễn hoặc vận động viên nhưng không được trả cho bản thân người biểu

ARTICLE 17

ARTISTES AND ATHLETES

1. Notwithstanding the provisions of Articles 14 and 15, income derived by a resident of a Contracting State as an entertainer, such as a theatre, motion picture, radio or television artiste, or a musician, or as an athlete, from his personal activities as such exercised in the other Contracting State, may be taxed in that other State.

2. Where income in respect of personal activities exercised by an entertainer or an athlete in his capacity as such accrues not to the entertainer or athlete himself

diễn hoặc vận động viên đó, mà trả cho một đối tượng khác thì thu nhập này có thể bị đánh thuế tại Nước ký kết nơi diễn ra những hoạt động trình diễn của người biểu diễn hoặc vận động viên trên, mặc dù đã có những quy định tại Điều 7, 14 và 15.

3. Mặc dù đã có những quy định tại khoản 1 và 2 Điều này, thu nhập thu được từ các hoạt động trình diễn nêu tại khoản 1 Điều này trong khuôn khổ chương trình trao đổi văn hoá hay thể thao được hai Nước ký kết thoả thuận, sẽ được miễn thuế tại Nước ký kết nơi diễn ra hoạt động trình diễn đó.

ĐIỀU 18

TIỀN LƯƠNG HƯU

Thế theo các quy định tại khoản 2 Điều 19, tiền lương hưu và các khoản tiền công tương tự được trả cho một đối tượng cư trú của một Nước ký kết do các công việc đã làm trước đây sẽ chỉ bị đánh thuế ở Nước đó.

ĐIỀU 19

PHỤC VỤ CHÍNH PHỦ

1.
 - a. Tiền công lao động, trừ tiền lương hưu, do một Nước ký kết, Bang, cơ quan chính quyền cơ sở hoặc chính quyền địa phương của Nước đó trả cho một cá nhân đối với việc phục vụ cho Nhà nước, Bang hoặc cơ quan chính quyền cơ sở hoặc chính quyền địa phương đó sẽ chỉ bị đánh thuế tại Nước đó.

but to another person, that income may, notwithstanding the provisions of Articles 7, 14 and 15, be taxed in the Contracting State in which the activities of the entertainer or athlete are exercised.

3. Notwithstanding the provisions of paragraphs 1 and 2 of this Article, income derived in respect of activities referred to in paragraph 1 of this Article within the framework of any cultural or sports exchange programme agreed to by both Contracting States shall be exempt from tax in the Contracting State in which these activities are exercised.

ARTICLE 18

PENSIONS

Subject to the provisions of paragraph 2 of Article 19, pensions and other similar remuneration paid to a resident of a Contracting State in consideration of past employment shall be taxable only in that State.

ARTICLE 19

GOVERNMENT SERVICE

1.
 - a. Remuneration, other than a pension, paid by a Contracting State, a Land, a political subdivision or a local authority thereof to an individual in respect of services rendered to that State, Land, subdivision or authority shall be taxable only in that State.

- b. Tuy nhiên, khoản tiền công lao động này sẽ chỉ bị đánh thuế tại Nước ký kết kia nếu việc phục vụ này được thực hiện tại Nước kia và nếu cá nhân này là đối tượng cư trú của Nước kia, đồng thời:
 - (i) là đối tượng mang quốc tịch của Nước kia; hoặc
 - (ii) đã không trở thành đối tượng cư trú của Nước kia chỉ đơn thuần vì thực hiện những công việc trên.
 2.
 - a. Bất kỳ khoản tiền lương hưu nào do một Nước ký kết, Bang, cơ quan chính quyền cơ sở hoặc chính quyền địa phương của Nước này trả cho một cá nhân đối với các công việc phục vụ cho Nhà nước, Bang, cơ quan chính quyền cơ sở hay chính quyền địa phương đó sẽ chỉ bị đánh thuế ở Nước đó.
 - b. Tuy nhiên, những khoản tiền lương hưu này sẽ chỉ bị đánh thuế ở Nước ký kết kia nếu cá nhân này vừa là đối tượng cư trú vừa là đối tượng mang quốc tịch của Nước ký kết kia.
 3. Các quy định của Điều 15, 16 và 18 sẽ áp dụng đối với những khoản tiền công lao động và lương hưu đối với các công việc liên quan đến một hoạt động kinh doanh được tiến hành bởi một Nước ký kết, Bang, cơ quan chính quyền cơ sở hoặc chính quyền địa phương của Nước đó.
 4. Các quy định tại khoản 1 cũng sẽ áp dụng đối với khoản tiền công được trả theo chương trình trợ giúp phát triển của một Nước ký kết, Bang, cơ quan chính quyền cơ sở hoặc chính quyền địa phương của Nước đó, từ các quỹ do Nước, Bang, cơ quan chính quyền cơ sở hoặc chính quyền địa phương đó tài trợ hoàn toàn và tiền công đó được trả cho chuyên gia hoặc người tình nguyện được cử sang Nước ký kết kia với sự đồng ý của Nước kia.
- b. However, such remuneration shall be taxable, only in the other Contracting State, if the services are rendered in that State and the individual is a resident of that State who:
 - (i) is a national of that State; or
 - (ii) did not become a resident of that State solely for the purpose of rendering the services.
 2.
 - a. Any pension paid by a Contracting State, a Land, a political subdivision or a local authority thereof to an individual in respect of services rendered to that State, Land, subdivision or authority shall be taxable only in that State.
 - b. However, such pension shall be taxable only in the other Contracting State if the individual is a resident of, and a national of, that other State.
 3. The provisions of Articles 15, 16 and 18 shall apply to remuneration and pensions in respect of services rendered in connection with a business carried on by a Contracting State, a Land, a political subdivision or a local authority thereof.
 4. The provisions of paragraph 1 shall likewise apply in respect of remuneration paid, under a development assistance programme of a Contracting State, a Land, a political subdivision or a local authority thereof, out of funds exclusively supplied by that State, Land, political subdivision or local authority, to a specialist or volunteer seconded to the other Contracting State with the consent of that other State.

ĐIỀU 20

GIÁO VIÊN, SINH VIÊN VÀ THỰC TẬP SINH

1. Một cá nhân, người đến một Nước ký kết thể theo lời mời của Nước đó hoặc của một trường đại học, cao đẳng, trường học, viện bảo tàng hoặc tổ chức văn hoá khác của Nước đó hay theo chương trình trao đổi văn hoá chính thức, trong một khoảng thời gian không vượt quá 2 năm, chỉ với mục đích giảng dạy, thuyết trình hoặc thực hiện nghiên cứu tại tổ chức đó và là người đang hoặc ngay trước chuyến đi đó đã là đối tượng cư trú của Nước ký kết kia sẽ được miễn thuế tại Nước thứ nhất đối với khoản tiền công trả cho hoạt động đó, với điều kiện là khoản tiền công đó nhận được từ bên ngoài Nước này.
2. Các khoản tiền mà một sinh viên hay thực tập sinh người đang hoặc ngay trước khi tới một Nước ký kết đã là đối tượng cư trú của Nước ký kết kia và hiện có mặt tại Nước thứ nhất chỉ với mục đích học tập hay đào tạo, nhận được để trang trải chi phí sinh hoạt, học tập hay đào tạo sẽ không bị đánh thuế tại Nước đó, với điều kiện là các khoản tiền đó có nguồn gốc từ bên ngoài Nước này.
3. Mặc dù đã có các quy định tại Điều 15, các khoản tiền công trả cho các dịch vụ do sinh viên hay thực tập sinh (trong trường hợp đối với Cộng hoà Liên bang Đức kể cả "vonlontar" hay "Praktikant") thực hiện tại một Nước ký kết sẽ không bị đánh thuế tại Nước đó, với điều kiện là các dịch vụ đó có liên quan tới việc học tập hoặc đào tạo của sinh viên hay thực tập sinh đó, và tổng số khoản tiền công đó không vượt quá 9.000 DM hoặc số tương đương bằng tiền Việt Nam trong một năm dương lịch.

ARTICLE 20

TEACHERS, STUDENTS AND TRAINEES

1. An individual who visits a Contracting State at the invitation of that State or of a university, college, school, museum or other cultural institution of that State or under an official programme of cultural exchange for a period not exceeding two years solely for the purpose of teaching, giving lectures or carrying out research at such institution and who is, or was immediately before that visit, a resident of the other Contracting State shall be exempt from tax in the first-mentioned State on his remuneration for such activity, provided that such remuneration is derived by him from outside that State.
2. Payments which a student or business apprentice who is or was immediately before visiting a Contracting State a resident of the other Contracting State and who is present in the first-mentioned State solely for the purpose of his education or training receives for the purpose of his maintenance, education or training shall not be taxed in that State, provided that such payments arise from sources outside that State.
3. Notwithstanding the provisions of Article 15, remuneration for services rendered by a student or a business apprentice (including in the case of the Federal Republic of Germany a "Volontär" or a "Praktikant") in a Contracting State shall not be taxed in that State, provided that such services are in connection with his studies or training, and the total amount of such remuneration does not exceed DM 9,000 or the equivalent in Vietnamese currency in a calendar year.

ĐIỀU 21

THU NHẬP KHÁC

1. Những khoản thu nhập của một đối tượng cư trú của một Nước ký kết, cho dù phát sinh ở đâu, chưa được đề cập đến tại những Điều trên của Hiệp định này, sẽ chỉ bị đánh thuế tại Nước đó.
2. Các quy định tại khoản 1 sẽ không áp dụng đối với thu nhập, trừ thu nhập từ bất động sản được nêu tại khoản 2 Điều 6, nếu đối tượng nhận thu nhập đó đang là một đối tượng cư trú của một Nước ký kết, tiến hành kinh doanh tại Nước ký kết kia thông qua một cơ sở thường trú nằm tại Nước đó, hoặc tiến hành tại Nước kia các hoạt động dịch vụ cá nhân độc lập thông qua một cơ sở cố định tại Nước đó và quyền lợi hay tài sản liên quan tới thu nhập được chi trả có sự liên hệ thực tế với cơ sở thường trú hoặc cơ sở cố định đó. Trong trường hợp như vậy các quy định tại Điều 7 hoặc Điều 14, tùy từng trường hợp, sẽ được áp dụng.

ĐIỀU 22

TÀI SẢN

1. Tài sản là bất động sản ghi tại Điều 6, thuộc quyền sở hữu của một đối tượng cư trú của một Nước ký kết và nằm tại Nước ký kết kia, có thể bị đánh thuế tại Nước kia.
2. Tài sản là động sản hình thành một phần tài sản kinh doanh của một cơ sở thường trú do một xí nghiệp của một Nước ký kết đặt tại Nước ký kết kia, hay tài sản là động sản thuộc về một cơ sở cố định của một đối tượng cư trú của một Nước ký kết đặt tại Nước ký kết kia để thực hiện các hoạt động dịch vụ cá nhân độc lập, có thể

ARTICLE 21

OTHER INCOME

1. Items of income of a resident of a Contracting State, wherever arising, not dealt with in the foregoing Articles of this Agreement shall be taxable only in that State.
2. The provisions of paragraph 1 shall not apply to income, other than income from immovable property as defined in paragraph 2 of Article 6, if the recipient of such income, being a resident of a Contracting State, carries on business in the other Contracting State through a permanent establishment situated therein, or performs in that other State independent personal services from a fixed base situated therein, and the right or property in respect of which the income is paid is effectively connected with such permanent establishment or fixed base. In such case the provisions of Article 7 or Article 14, as the case may be, shall apply.

ARTICLE 22

CAPITAL

1. Capital represented by immovable property referred to in Article 6, owned by a resident of a Contracting State and situated in the other Contracting State, may be taxed in that other State.
2. Capital represented by movable property forming part of the business property of a permanent establishment which an enterprise of a Contracting State has in the other Contracting State or by movable property pertaining to a fixed base available to a resident of a Contracting State in the other Contracting State for the pur-

bị đánh thuế tại Nước kia.

3. Tài sản là tàu thủy và máy bay do một xí nghiệp của một Nước ký kết điều hành trong vận tải quốc tế, và tài sản là động sản liên quan đến hoạt động của các tàu thủy và máy bay, sẽ chỉ bị đánh thuế tại Nước ký kết nơi đặt trụ sở điều hành thực tế của xí nghiệp.
4. Tất cả các phần tài sản khác của một đối tượng cư trú của một Nước ký kết sẽ chỉ bị đánh thuế tại Nước đó.

ĐIỀU 23

XOÁ BỎ VIỆC ĐÁNH THUẾ HAI LẦN

1. Tại Việt Nam, việc đánh thuế hai lần sẽ được xoá bỏ như sau:

Trường hợp một đối tượng cư trú của Việt Nam nhận được thu nhập hoặc sở hữu các phần tài sản mà, phù hợp với các quy định của Hiệp định này, có thể bị đánh thuế tại Cộng hoà Liên bang Đức, Việt Nam sẽ cho phép:

- a. trừ vào số thuế tính trên thu nhập của đối tượng cư trú đó một khoản thuế tương đương số thuế thu nhập đã nộp tại Cộng hoà Liên bang Đức;
- b. trừ vào số thuế tính trên tài sản của đối tượng cư trú đó một khoản tiền tương đương số thuế tài sản đã nộp tại Cộng hoà Liên bang Đức.

Tuy nhiên, khoản thuế được trừ như vậy, trong mọi trường hợp sẽ không vượt quá số thuế thu nhập hoặc thuế tài sản của Việt Nam, được tính trên thu nhập hoặc tài sản trước khi cho phép khấu trừ phù hợp với các luật và quy định về thuế của Việt Nam.

pose of performing independent personal services, may be taxed in that other State.

3. Capital represented by ships and aircraft operated in international traffic and by movable property pertaining to the operation of such ships or aircraft, shall be taxable only in the Contracting State in which the place of effective management of the enterprise is situated.
4. All other elements of capital of a resident of a Contracting State shall be taxable only in that State.

ARTICLE 23

METHODS FOR ELIMINATION OF DOUBLE TAXATION

1. In Vietnam the double taxation shall be eliminated as follows:

Where a resident of Vietnam derives income or owns elements of capital which, in accordance with the provisions of this Agreement, may be taxed in the Federal Republic of Germany, Vietnam shall allow:

- a. as a deduction from the tax on the income of that resident an amount equal to the income tax paid in the Federal Republic of Germany;
- b. as a deduction from the tax on the capital of that resident, an amount equal to the capital tax paid in the Federal Republic of Germany.

Such deduction in either case shall not, however, exceed that part of the Vietnamese income tax or capital tax, as computed before the deduction is given, on the income or the capital, in accordance with the taxation laws and regulations of Vietnam.

2. Trong trường hợp đối với đối tượng cư trú của Cộng hoà Liên bang Đức, thuế sẽ được xác định như sau:

a. Trừ trường hợp khấu trừ thuế đã nộp ở nước ngoài theo quy định tại điểm (b) bất kỳ loại thu nhập nào thu được từ Việt Nam và bất kỳ loại tài sản nào nằm tại Việt Nam mà theo Hiệp định này, có thể bị đánh thuế ở Việt Nam sẽ được miễn thuế Đức. Tuy nhiên, Cộng hoà Liên bang Đức vẫn được quyền tính đến các loại thu nhập và tài sản đã được miễn thuế như vậy trong khi xác định mức thuế suất của Đức.

Trong trường hợp đối với tiền lãi cổ phần, việc miễn thuế sẽ chỉ áp dụng đối với tiền lãi cổ phần do một công ty là đối tượng cư trú của Việt Nam, trả cho một công ty (không kể tổ chức hùn vốn) là đối tượng cư trú của Cộng hoà Liên bang Đức mà công ty của Đức trực tiếp sở hữu ít nhất 10 phần trăm vốn của công ty trả tiền lãi cổ phần.

Vốn cổ phần sẽ được miễn các loại thuế đánh vào tài sản trong trường hợp tiền lãi cổ phần từ số vốn cổ phần đó được miễn thuế hoặc nếu giả sử đã nộp thuế cũng sẽ được miễn thuế theo như nội dung của câu trên.

b. Thể theo các quy định của luật thuế Đức về khấu trừ thuế đã nộp ở nước ngoài, Cộng hoà Liên bang Đức sẽ cho phép khấu trừ vào thuế thu nhập, thuế công ty và thuế tài sản của Đức phải nộp đối với các khoản thu nhập sau đây phát sinh tại Việt Nam và đối với các loại tài sản nằm tại Việt Nam, số thuế Việt Nam đã nộp theo các luật của Việt Nam và phù hợp với Hiệp định này được tính trên:

aa. tiền lãi cổ phần chưa được đề cập tới tại điểm (a);

bb. lãi từ tiền cho vay;

cc. tiền bản quyền;

2. Tax shall be determined in the case of a resident of the Federal Republic of Germany as follows:

a. Unless foreign tax credit is to be allowed under sub-paragraph (b), there shall be exempted from German tax any item of income arising in Vietnam and any item of capital situated within Vietnam which, according to this Agreement, may be taxed in Vietnam. The Federal Republic of Germany, however, retains the right to take into account in the determination of its rate of tax the items of income and capital so exempted.

In the case of dividends, exemption shall apply only to such dividends as are paid to a company (not including partnerships) being a resident of the Federal Republic of Germany by a company being a resident of Vietnam at least 10 per cent of the capital of which is owned directly by the German company.

There shall be exempted from taxes on capital any shareholding the dividends of which are exempted or, if paid, would be exempted, according to the immediately foregoing sentence.

b. Subject to the provisions of German tax law regarding credit for foreign tax, there shall be allowed as a credit against German income, corporation and capital tax payable in respect of the following items of income arising in Vietnam and the items of capital situated therein the Vietnamese tax paid under the laws of Vietnam and in accordance with this Agreement on:

aa. dividends not dealt with in sub-paragraph (a);

bb. interest;

cc. royalties;

- dd. phí dịch vụ kỹ thuật;
- ee. thu nhập theo nội dung khoản 4 Điều 13;
- ff. thù lao cho giám đốc;
- gg. thu nhập của các nghệ sĩ và vận động viên

c. Theo định nghĩa về khấu trừ thuế được đề cập tại mục (b), bất kể số thuế thực tế đã nộp là bao nhiêu, thuế Việt Nam sẽ được coi là:

- aa. trong trường hợp đối với tiền lãi cổ phần chưa được đề cập tại điểm (a), 10 phần trăm tổng số tiền lãi cổ phần đó;
- bb. trong trường hợp đối với lãi từ tiền cho vay, 10 phần trăm tổng số lãi từ tiền cho vay nhưng sẽ là 5 phần trăm trong thời gian đang áp dụng khoản 5 của Nghị định thư; và
- cc. trong trường hợp đối với tiền bản quyền, 10 phần trăm tổng số tiền bản quyền;

với điều kiện là tiền lãi cổ phần, lãi từ tiền cho vay và tiền bản quyền được trả trước thời điểm kết thúc năm thứ mười sau khi Hiệp định này có hiệu lực.

- d. Mặc dù đã có các quy định của điểm (a) các khoản thu nhập được đề cập tại Điều 7 và Điều 10 và lợi tức từ việc chuyển nhượng tài sản kinh doanh của một cơ sở thường trú cũng như các loại tài sản tạo ra các thu nhập đó sẽ chỉ được miễn thuế Đức khi đối tượng cư trú của Cộng hòa Liên bang Đức có thể chứng minh rằng số tiền thu được của cơ sở thường trú hoặc của công ty đó hoàn toàn thu được hoặc hầu như hoàn toàn thu được từ các hoạt động kinh doanh trực tiếp.

Trong trường hợp đối với các khoản thu nhập được đề cập tại Điều 10 và các loại tài sản tạo ra thu nhập đó, việc miễn thuế

- dd. fees for technical services;
- ee. income in the meaning of Article 13 paragraph 4;
- ff. directors' fees;
- gg. income of artistes and athletes.

c. For the purpose of credit referred to in sub-paragraph (b) the Vietnamese tax shall, irrespective of the amount of tax actually paid, be deemed to be, in the case of

- aa. dividends not mentioned in sub-paragraph (a), 10 per cent of the gross amount of the dividends;
- bb. interest, 10 per cent of the gross amount of the interest but 5 per cent as long as paragraph 5 of the Protocol is applicable; and
- cc. royalties, 10 per cent of the gross amount of the royalties;

provided that such dividends, interest or royalties are paid before the end of the tenth year after the entry into force of this Agreement.

- d. Notwithstanding the provisions of sub-paragraph (a) items of income dealt with in Article 7 and Article 10 and gains derived from the alienation of the business property of a permanent establishment as well as the items of capital underlying such income shall be exempted from German tax only if the resident of the Federal Republic of Germany can prove that the receipts of the permanent establishment or company are derived exclusively or almost exclusively from active operations.

In the case of items of income dealt with in Article 10 and the items of capital underlying such income the exemption

sẽ áp dụng cả khi tiền lãi cổ phần thu được từ việc nắm giữ cổ phần trong các công ty khác là đối tượng cư trú của Việt Nam có tiến hành các hoạt động kinh doanh trực tiếp và công ty chia tiền lãi cổ phần nắm giữ trên 25 phần trăm vốn cổ phần của công ty Việt Nam nói trên.

Các hoạt động kinh doanh trực tiếp là các hoạt động như sau: sản xuất hoặc bán hàng hoá hay tài sản, cung cấp tư vấn kỹ thuật hoặc thực hiện các dịch vụ cơ khí hoặc tiến hành kinh doanh bảo hiểm hoặc ngân hàng, trong phạm vi lãnh thổ Việt Nam.

Nếu không chứng minh được như trên thì sẽ chỉ áp dụng biện pháp khấu trừ đã nêu tại điểm (b), loại trừ việc khấu trừ khoản đã nêu tại điểm (c).

shall apply even when the dividends are derived from holdings in other companies being residents of Vietnam which carry on active operations and in which the company which last made a distribution has a holding of more than 25 per cent.

Active operations are the following: producing or selling goods or merchandise, giving technical advice or rendering engineering services, or doing banking or insurance business, within Vietnam.

If this is not proved, only the credit procedure as per sub-paragraph (b) shall apply, except for the fictitious credit as per sub-paragraph (c).

ĐIỀU 24

KHÔNG PHÂN BIỆT ĐỐI XỬ

1. Những đối tượng mang quốc tịch của một Nước ký kết sẽ không phải chịu tại Nước ký kết kia bất kỳ hình thức thuế nào hay bất kỳ yêu cầu nào liên quan đến hình thức thuế đó khác với hay nặng hơn hình thức thuế và các yêu cầu liên quan hiện đang và có thể áp dụng cho các đối tượng mang quốc tịch của Nước ký kết kia trong cùng những hoàn cảnh như nhau. Mặc dù đã có các quy định tại Điều 1, quy định này cũng sẽ áp dụng cho các đối tượng không là đối tượng cư trú của một hay cả hai Nước ký kết.
2. Hình thức thuế áp dụng đối với một cơ sở thường trú của một xí nghiệp của một Nước ký kết đặt tại Nước ký kết kia sẽ không kém thuận lợi hơn hình thức thuế áp dụng đối với các xí nghiệp của Nước ký kết kia cùng thực hiện những hoạt động tương tự, với điều kiện là khoản này

ARTICLE 24

NON-DISCRIMINATION

1. Nationals of a Contracting State shall not be subjected in the other Contracting State to any taxation or any requirement connected therewith which is other or more burdensome than the taxation and connected requirements to which nationals of that other State in the same circumstances are or may be subjected. This provision shall, notwithstanding the provisions of Article 1, also apply to persons who are not residents of one or both of the Contracting States.
2. The taxation on a permanent establishment which an enterprise of a Contracting State has in the other Contracting State shall not be less favourably levied in that other State than the taxation levied on enterprises of that other State carrying on the same activi-

sẽ không ngăn cản Nước kia ấn định trên lợi tức phân bổ cho một cơ sở thường trú tại Nước kia của một công ty là đối tượng cư trú của Nước thứ nhất khoản thuế bổ sung không quá 10 phần trăm trên khoản lợi tức đó khi lợi tức này được chuyển từ cơ sở thường trú về trụ sở chính. Hơn nữa, khoản này sẽ không áp dụng đối với hình thức thuế của các cơ sở thường trú tại Việt Nam của các xí nghiệp liên quan đến các hoạt động thăm dò hoặc sản xuất dầu khí hoặc liên quan đến các hoạt động mà trong trường hợp các xí nghiệp của Việt Nam phải chịu thuế theo Luật thuế Sử dụng Đất Nông nghiệp.

3. Không có nội dung nào tại Điều này sẽ được hiểu là buộc một trong hai Nước ký kết cho phép các cá nhân không phải là đối tượng cư trú của Nước ký kết đó được hưởng bất kỳ các khoản miễn thu cá nhân, miễn thuế và giảm thuế trong khi tính thuế mà Nước đó cho các cá nhân là đối tượng cư trú của Nước mình được hưởng.
4. Trừ khi các quy định của Điều 9, khoản 7 Điều 11, hay khoản 6 Điều 12 áp dụng, lãi từ tiền cho vay, tiền bản quyền và các khoản thanh toán khác do một xí nghiệp của một Nước ký kết trả cho một đối tượng cư trú tại Nước ký kết kia, để xác định lợi tức chịu thuế của xí nghiệp đó, sẽ được phép tính vào chi phí được trừ theo cùng các điều kiện như là các khoản tiền đó được trả cho đối tượng cư trú của Nước thứ nhất. Tương tự như vậy, các khoản nợ của xí nghiệp của một Nước ký kết trả cho một đối tượng cư trú của Nước ký kết kia trong khi xác định tài sản chịu thuế của xí nghiệp đó sẽ được phép trừ khỏi cơ sở tính thuế, theo cùng các điều kiện như là các khoản nợ được cam kết trả cho đối tượng cư trú của Nước thứ nhất.
5. Các xí nghiệp của một Nước ký kết có toàn bộ hay một phần vốn do một hay

ties, provided that this paragraph shall not prevent that other State from imposing on the profits attributable to a permanent establishment in that State of a company which is a resident of the first-mentioned State further tax not exceeding 10 per cent on such profits as far as they are remitted from the permanent establishment to the head office. Moreover, this paragraph shall not apply to the taxation of permanent establishments in Vietnam of enterprises in respect of oil exploration or production activities or in respect of activities which in the case of Vietnamese enterprises are subject to tax under the Law on Agriculture Land Using Tax.

3. Nothing contained in this Article shall be construed as obliging either Contracting State to grant to individuals not resident in that State any of the personal allowances, reliefs and reductions for tax purposes which are granted to individuals so resident.
4. Except where the provisions of Article 9, paragraph 7 of Article 11, or paragraph 6 of Article 12 apply, interest, royalties and other disbursements paid by an enterprise of a Contracting State to a resident of the other Contracting State shall, for the purpose of determining the taxable profits of such enterprise, be deductible under the same conditions as if they had been paid to a resident of the first-mentioned State. Similarly, any debts of an enterprise of a Contracting State to a resident of the other Contracting State shall, for the purpose of determining the taxable capital of such enterprise, be deductible under the same conditions as if they had been contracted to a resident of the first-mentioned State.
5. Enterprises of a Contracting State, the capital of which is wholly or partly

nhiều đối tượng cư trú của Nước ký kết kia kiểm soát hay sở hữu trực tiếp hay gián tiếp, sẽ không phải chịu tại Nước ký kết thứ nhất bất kỳ hình thức thuế hay yêu cầu liên quan đến hình thức thuế đó khác với hay nặng hơn hình thức thuế và những yêu cầu liên quan hiện đang hoặc có thể áp dụng cho các xí nghiệp tương tự khác của Nước thứ nhất.

owned or controlled, directly or indirectly, by one or more residents of the other Contracting State, shall not be subjected in the first-mentioned State to any taxation or any requirement connected therewith which is other or more burdensome than the taxation and connected requirements to which other similar enterprises of the first-mentioned State are or may be subjected.

ĐIỀU 25

ARTICLE 25

THỦ TỤC THỎA THUẬN SONG PHƯƠNG

MUTUAL AGREEMENT PROCEDURE

1. Trường hợp một đối tượng là đối tượng cư trú tại một Nước ký kết nhận thấy rằng việc giải quyết của nhà chức trách có thẩm quyền tại một hay cả hai Nước ký kết làm cho hay sẽ làm cho đối tượng đó phải nộp thuế không đúng nội dung Hiệp định này, lúc đó đối tượng này có thể giải trình trường hợp của mình với nhà chức trách có thẩm quyền của Nước ký kết nơi đối tượng đó đang cư trú, mặc dù trong các luật trong nước của hai Nước ký kết đã quy định những chế độ xử lý khiếu nại. Trường hợp đó phải được giải trình trong thời hạn 3 năm kể từ lần thông báo giải quyết đầu tiên dẫn đến hình thức thuế áp dụng không đúng với những quy định tại Hiệp định.
2. Nhà chức trách có thẩm quyền sẽ cố gắng, nếu như việc khiếu nại là hợp lý và nếu bản thân nhà chức trách đó không thể đi đến một giải pháp thỏa đáng, phối hợp với nhà chức trách có thẩm quyền của Nước ký kết kia để cùng giải quyết trường hợp khiếu nại bằng thỏa thuận chung, nhằm mục đích tránh đánh thuế không phù hợp với nội dung của Hiệp định này. Bất kỳ thỏa thuận nào đã đạt được sẽ được thực hiện không căn cứ vào những giới hạn thời gian ghi trong các luật trong nước của hai Nước ký kết.

1. Where a person who is a resident of a Contracting State considers that the actions of the competent authority of one or both of the Contracting States result or will result for him in taxation not in accordance with the provisions of this Agreement, he may, irrespective of the remedies provided by the domestic law of those States, present his case to the competent authority of the Contracting State of which the person is a resident. The case must be presented within three years from the first notification of the action resulting in taxation not in accordance with the provisions of the Agreement.
2. The competent authority shall endeavour, if the objection appears to it to be justified and if it is not itself able to arrive at a satisfactory solution, to resolve the case by mutual agreement with the competent authority of the other Contracting State, with a view to the avoidance of taxation which is not in accordance with the Agreement. Any agreement reached shall be implemented notwithstanding any time limits in the domestic laws of the Contracting States.

3. Nhà chức trách có thẩm quyền của hai Nước ký kết sẽ cố gắng giải quyết bằng thoả thuận chung mọi khó khăn hay vướng mắc nảy sinh trong quá trình giải thích hay áp dụng Hiệp định này. Các nhà chức trách có thẩm quyền cũng có thể cùng nhau tham khảo ý kiến nhằm xoá bỏ việc đánh thuế hai lần trong những trường hợp không được quy định trong Hiệp định.
4. Nếu hình thức thuế đối với thu nhập của một Nước ký kết bị ảnh hưởng bởi cách khấu trừ thuế tại nguồn, và nếu hình thức thuế này bị hạn chế bởi các quy định của Hiệp định này thì việc áp dụng giảm hoặc miễn loại thuế này sẽ được xử lý theo luật quốc gia của Nước đó kết hợp với các thủ tục được thoả thuận về vấn đề này giữa các nhà chức trách có thẩm quyền của hai Nước ký kết.
5. Nhà chức trách có thẩm quyền của hai Nước ký kết có thể trực tiếp liên hệ với nhau với mục đích nhằm đạt được một thoả thuận theo nội dung của những khoản trên đây.
3. The competent authorities of the Contracting States shall jointly endeavour to resolve any difficulties or doubts arising as to the interpretation or application of the Agreement. They may also consult together for the elimination of double taxation in cases not provided for in the Agreement.
4. If the taxation of income in a Contracting State is effected by way of withholding tax at source, and if this taxation is limited by the provisions of this Agreement, the application of this tax reduction or exemption shall be governed by the national law of that State in conjunction with the procedures agreed upon for this purpose between the competent authorities of the two Contracting States.
5. The competent authorities of the Contracting States may communicate with each other directly for the purpose of reaching an agreement in the sense of the preceding paragraphs.

ĐIỀU 26

TRAO ĐỔI THÔNG TIN

1. Các nhà chức trách có thẩm quyền của hai Nước ký kết sẽ trao đổi các thông tin cần thiết cho việc thực hiện các quy định của Hiệp định này. Mọi thông tin do một Nước ký kết nhận được sẽ được giữ bí mật giống như thông tin thu nhận theo luật trong nước của Nước này và sẽ chỉ được cung cấp cho các đối tượng hay các cơ quan chức trách (bao gồm cả tòa án và các cơ quan hành chính) có liên quan đến việc tính toán, thu, cưỡng chế hay truy tố hoặc xác định các khiếu nại về các loại thuế mà Hiệp định này áp dụng. Các đối tượng hoặc các cơ quan chức trách này sẽ

ARTICLE 26

EXCHANGE OF INFORMATION

1. The competent authorities of the Contracting States shall exchange such information as is necessary for carrying out the provisions of this Agreement. Any information received by a Contracting State shall be treated as secret in the same manner as information obtained under the domestic laws of that State and shall be disclosed only to persons or authorities (including courts and administrative bodies) involved in the assessment or collection of, the enforcement or prosecution in respect of, or the determination of appeals in relation to,

chỉ sử dụng các thông tin đó vào các mục đích nêu trên. Các đối tượng và các cơ quan đó có thể cung cấp các thông tin này trong quá trình tố tụng công khai của tòa án hay trong các quyết định của tòa án.

2. Không có trường hợp nào những quy định tại khoản 1 được giải thích là buộc một Nước ký kết có nghĩa vụ:
 - a. thực hiện các biện pháp hành chính khác với luật pháp hay thông lệ về quản lý hành chính của Nước ký kết đó hay của Nước ký kết kia;
 - b. cung cấp những thông tin không thể tiết lộ được theo các luật hay theo như quá trình quản lý hành chính thông thường của Nước ký kết đó hay của Nước ký kết kia;
 - c. cung cấp những thông tin có thể làm tiết lộ bí mật về mậu dịch, thương mại, công nghiệp, thương nghiệp hay bí mật nghề nghiệp hoặc các phương thức kinh doanh, hoặc cung cấp những thông tin mà việc tiết lộ chúng có thể trái với chính sách Nhà nước (trật tự công cộng).

the taxes covered by the Agreement. Such persons or authorities shall use the information only for such purposes. They may disclose the information in public court proceedings or in judicial decisions.

2. In no case shall the provisions of paragraph 1 be construed so as to impose on a Contracting State the obligation:
 - a. to carry out administrative measures at variance with the laws and administrative practice of that or of the other Contracting State;
 - b. to supply information which is not obtainable under the laws or in the normal course of the administration of that or of the other Contracting State;
 - c. to supply information which would disclose any trade, business, industrial, commercial or professional secret or trade process, or information, the disclosure of which would be contrary to public policy (ordre public).

ĐIỀU 27

CÁC VIÊN CHỨC NGOẠI GIAO VÀ LÃNH SỰ

Không nội dung nào trong Hiệp định này sẽ ảnh hưởng đến những ưu đãi về thuế được thoả thuận dành cho các thành viên của đoàn ngoại giao hoặc của cơ quan lãnh sự hoặc của một tổ chức quốc tế theo những nguyên tắc chung của luật pháp quốc tế hay những quy định trong các hiệp định đặc biệt.

ARTICLE 27

DIPLOMATIC AGENTS AND CONSULAR OFFICERS

Nothing in this Agreement shall affect the fiscal privileges of members of a diplomatic mission, a consular post or an international organisation under the general rules of international law or under the provisions of special agreements.

ĐIỀU 28

HIỆU LỰC

Chính phủ của hai Nước ký kết sẽ thông báo cho nhau việc hoàn thành các thủ tục cần thiết theo luật của Nước mình để Hiệp định này có hiệu lực. Hiệp định này sẽ có hiệu lực sau 1 tháng kể từ thời điểm nhận được thông báo sau cùng và sẽ được áp dụng:

- a. trong trường hợp đối với các khoản thuế khấu trừ tại nguồn, thu trên tiền lãi cổ phần, lãi từ tiền cho vay, tiền bản quyền và phí dịch vụ kỹ thuật, đối với các khoản tiền được chi trả kể từ ngày 1 tháng 1 của năm dương lịch sau năm Hiệp định có hiệu lực;
- b. trong trường hợp đối với các loại thuế khác được tính cho các khoảng thời gian bắt đầu vào ngày hoặc sau ngày 1 tháng 1 của năm dương lịch tiếp theo sau năm Hiệp định này có hiệu lực.

ĐIỀU 29

KẾT THÚC

Hiệp định này sẽ vẫn còn hiệu lực vô thời hạn nhưng từng Nước ký kết có thể, vào ngày hoặc trước ngày 30 tháng 6 trong bất kỳ năm dương lịch nào bắt đầu sau khi kết thúc thời hạn 5 năm kể từ ngày Hiệp định có hiệu lực, thông qua đường ngoại giao, gửi cho Nước ký kết kia văn bản thông báo kết thúc Hiệp định và, trong trường hợp như vậy, Hiệp định này sẽ hết hiệu lực thi hành:

- a. trong trường hợp đối với các loại thuế khấu trừ tại nguồn thu trên tiền lãi cổ phần, lãi từ tiền cho vay, tiền bản quyền và phí cho các dịch vụ kỹ thuật đối với các khoản tiền được chi trả vào ngày hoặc

ARTICLE 28

ENTRY INTO FORCE

The Governments of the Contracting States shall notify each other of the completion of the procedures required by its law for the entry into force of this Agreement. This Agreement shall enter into force one month after receipt of the latter of these notifications and shall thereupon have effect:

- a. in the case of taxes withheld at source on dividends, interest, royalties and fees for technical services, in respect of amounts paid on or after the first day of January of the calendar year next following that in which the Agreement enters into force;
- b. in the case of other taxes, in respect of taxes levied for periods beginning on or after the first day of January of the calendar year next following that in which the Agreement enters into force.

ARTICLE 29

TERMINATION

This Agreement shall continue in effect indefinitely but either of the Contracting States may, on or before the thirtieth day of June in any calendar year beginning after the expiration of a period of five years from the date of its entry into force, give the other Contracting State, through diplomatic channels, written notice of termination and, in such event, the Agreement shall cease to have effect:

- a. in the case of taxes withheld at source on dividends, interest, royalties and fees for technical services in respect of amounts paid on or after the first day of January of the calendar year next following that in

sau ngày 1 tháng 1 của năm dương lịch tiếp sau năm gửi thông báo kết thúc Hiệp định;

- b. trong trường hợp đối với các loại thuế khác, được tính cho các khoảng thời gian bắt đầu vào ngày hoặc sau ngày 1 tháng 1 của năm dương lịch tiếp sau năm gửi thông báo kết thúc Hiệp định.

ĐỂ LÀM BẰNG những người được ủy quyền dưới đây đã ký vào Hiệp định này.

HIỆP ĐỊNH LÀM được thành hai bản gốc tại Hà Nội, ngày 16 tháng 11 năm 1995, gồm tiếng Việt, tiếng Đức và tiếng Anh, ba văn bản đều có giá trị như nhau. Trường hợp có sự giải thích khác nhau giữa văn bản tiếng Việt và tiếng Đức, văn bản tiếng Anh sẽ có giá trị quyết định./.

THAY MẶT
NƯỚC CỘNG HÒA
XÃ HỘI CHỦ NGHĨA
VIỆT NAM

(Đã ký)

THAY MẶT NƯỚC
CỘNG HÒA
LIÊN BANG ĐỨC

(Đã ký)

FOR THE SOCIALIST
REPUBLIC OF
VIETNAM

(Signed)

FOR THE FEDERAL
REPUBLIC OF
GERMANY

(Signed)

Hiệp định này có hiệu lực từ ngày 27/12/1997.

This Agreement entered into force on 27th December 1997